TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **37**/2019/HNGĐST
Ngày 21-6-2019
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

2. Bà **Lê Thị Kiều Nga**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2019/TLST–HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2019/QĐST–HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị B** – sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: số 113/1, ấp S, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Văn P** – sinh năm 1993 (vắng mặt lần 2, không lý do)

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:***

Chị và anh Trần Văn P chung sống với nhau vào tháng 8/2014, tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng ngày 16/8/2014. Trước khi cưới, vợ chồng tìm hiểu nhau trước khoảng 06 tháng mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Sau khi cưới hai vợ chồng thuê nhà ở Bình Dương sinh sống, thời gian đầu

chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P ăn chơi, làm bao nhiêu tiêu xài bấy nhiêu, chị B đã khuyên can nhiều lần nhưng anh P vẫn không thay đổi, dẫn đến vợ chồng hay cự cãi. Sau đó, anh P bỏ về nhà cha mẹ tại xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang sinh sống từ tháng 3/2018 và vợ chồng không còn liên lạc qua lại nữa. Vợ chồng anh chị đã ly thân với nhau từ đó đến nay.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị B yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị B yêu cầu được ly hôn với anh P.

- *Về quan hệ con chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bị đơn anh Trần Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do nên anh P không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- ***Về thủ tục tố tụng:*** Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp.

Anh Trần Văn P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Trần Văn P vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa chị B yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Trần Văn P.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị B, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy, chị Nguyễn Thị B và anh Trần Văn P chung sống với nhau được Uỷ ban Nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 154/2014, quyển số 01/2014, ngày 16/8/2014 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất công nhận đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị B: Xét thấy, quá trình vợ chồng anh chị

chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P ăn chơi, làm bao nhiêu tiêu xài bấy nhiêu, chị B đã khuyên can anh P nhiều lần nhưng anh P vẫn không thay đổi, dẫn đến vợ chồng hay cự cãi. Khi đó chị B và anh P đang đi làm tại tỉnh Bình Dương thì anh P bỏ về nhà cha mẹ tại xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang sinh sống từ tháng 3/2018 và anh chị không còn liên lạc qua lại với nhau nữa. Mặt khác, chị B và anh P đã ly thân với nhau từ tháng 3 năm 2018 đến nay. Chính vì thế, việc chị B yêu cầu được ly hôn với anh P là có cơ sở chấp nhận.

[2] *Về quan hệ con chung:* Chị B xác nhận vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị B xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 56, các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị B,

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị B ly hôn với anh Trần Văn P.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0005456 ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Trần Văn P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạo